

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN LONG BIÊN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **254/2018/HSST**

Ngày: **28/09/2018**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN- TP HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Tự Hiếu

Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Đức Minh và bà Nguyễn Thị Kim Phụng

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thu Hà- Cán bộ Toà án nhân dân quận Long Biên

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên tham gia phiên toà: Ông Lê Đăng Hùng- Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 09 năm 2018, tại Trụ sở Toà án nhân dân quận Long Biên, TP Hà Nội mở phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 271/2018/TLST- HS ngày 10/09/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 268/2018/QĐXX- ST ngày 14/09/2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: NGUYỄN VĂN T, sinh năm: 1988; HKTT: Ấp H, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp, Chỗ ở: Tổ X phường T, quận L, thành phố Hà Nội; Văn hóa: 6/12; Nghề nghiệp: không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Nguyễn Văn D, sinh năm 1951 và bà: Nguyễn Thị P, sinh năm 1952; Vợ: Phạm Thị H, sinh năm 1980 ; Có 01 con sinh năm 2009.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo tại ngoại. Có mặt tại phiên toà

*** Bị hại:**

- Chị Nguyễn Thị T1, sinh năm 1985

ĐKKHKT tại: Số Y ngách Z phố N, phường Đ, quận L, Hà Nội.

Hiện trú tại: Số M, Ấp L, xã A, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh.

(Chị T vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Anh Nguyễn Ngọc Q, sinh năm 1961

ĐKKHKT và chỗ ở tại: Tổ Q phường Đ, quận L, Hà Nội.

(Anh Q có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 14/3/2018, Công an phường Đức Giang nhận được tin báo của chị Nguyễn Thị T1, sn: 1985, HKTT: Số Y ngách Z phố N, phường Đ, quận L, Hà Nội và anh Nguyễn Ngọc Q, sn: 1961, HKTT: Tổ Q phường Đ, quận L, Hà Nội với nội dung như sau: Khoảng tháng 7/2017 chị T1 bị 01 đối tượng tên “Hoàng” mạo danh là thượng tá công an đã lừa đảo chiếm đoạt của chị T1 số tiền 26.000.000 đồng; Khoảng tháng 6/2017 anh Q cũng bị 01 đối tượng đối tượng tên “Hoàng” mạo danh là thượng tá công an công tác tại Cục hình sự - Bộ Công an đã lừa đảo chiếm đoạt của anh Q số tiền 3.500.000 đồng.

Cơ quan cảnh sát điều tra đã xác định được đối tượng Nguyễn Quốc Hoàn và “Hoàng” thực tế tên là Nguyễn Văn T, sn: 1988, HKTT: Ấp Hậu Thành – Tân Dương – Lai Vung – Đồng Tháp. Cơ quan cảnh sát điều tra đã tiến hành cho chị T1 và anh Q nhận dạng Nguyễn Văn T, cả hai đều khẳng định T chính là người đã lừa đảo chiếm đoạt số tiền 26.000.000 đồng của chị T1 và số tiền 3.500.000 đồng của anh Q.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra làm rõ:

Khoảng tháng 12/2016, Nguyễn Văn T, có gặp và làm quen với chị Nguyễn Thị Thanh, T giới thiệu với chị T1 tên là “Hoàng” và là thượng tá công an đang công tác tại Cục hình sự Bộ Công an. T nói với chị T1 hiện tại đã ly hôn, giữa T với chị T1 đã nảy sinh tình cảm và có ý định chung sống với nhau. Khoảng tháng 7/2017, khi thấy chị T1 có số tiền 26.000.000 đồng dùng để mua xe máy, T có ý định chiếm đoạt số tiền trên

của chị T1 nên T đã nói dối chị T1 rằng T sẽ đi gửi số tiền đó vào ngân hàng cho an toàn, chị T1 đồng ý. Tuy nhiên, khi nhận được số tiền trên T không mang đi gửi ngân hàng mà lại dùng để tiêu dùng cho cá nhân mình. Đến khi chị T1 yêu cầu T trả lại số tiền 26.000.000 đồng trên để mua xe máy thì T tiếp tục có lời nói gian dối bảo chị T1 đã mang số tiền trên đi đặt xe, khi nào lắp ráp xong sẽ mang xe về cho chị. Một thời gian lâu sau, chị T1 có hỏi lại về việc này nhưng T khất hết lần này tới lần khác. Đến tháng 10/2017, T bỏ về nhà T đang thuê tại tổ 20, phường Thượng Thanh, quận Long Biên, Hà Nội và cắt đứt liên lạc với chị T1. Sau đó chị T1 tìm được và qua nói chuyện với T, T hứa trả lại tiền cho chị T1 và trả trước 15.000.000 đồng, chị T1 đồng ý, nhưng sau đó T vẫn không trả lại tiền cho chị T1. Ngày 14/3/2018, chị T1 làm đơn trình báo đến công an phường Đức Giang về sự việc trên.

Khoảng tháng 6/2017, tại quán bia Tuấn Lý, tổ 16, phường Thượng Thanh, quận Long Biên, Hà Nội, Nguyễn Văn T quen anh Nguyễn Ngọc Q và cũng tự giới thiệu mình tên là Hoàng là thượng tá công an và đang công tác tại Cục hình sự Bộ Công an. Anh Q có nhờ T tìm cho người dạy làm bánh bao cho mình, T bảo có quen một người làm bánh bao giỏi có thể dạy cho anh Q và bảo anh Q đưa cho T 3.500.000 đồng. Do tin tưởng nên ngày 26/01/2018 anh Q đã đưa T số tiền trên, nhưng trên thực tế T không quen biết ai có thể dạy anh Q làm bánh bao và cũng không có ý định dùng số tiền anh Q đưa để đi tìm người dạy anh Q mà đã dùng để tiêu xài hết. Sau đó anh Q không còn liên lạc được với T nữa. Ngày 14/3/2018, công an phường Đức Giang đã tiếp nhận đơn trình báo của anh Nguyễn Ngọc Q về sự việc trên.

Trong quá trình điều tra, bị can Nguyễn Văn T khai nhận: Bản thân T đang chạy xe ôm tự do và chưa bao giờ công tác trong ngành Công an, khi làm quen với chị T1 và anh Q, T đều giới thiệu mình tên Nguyễn Quốc Hoàn để che dấu đi tên thật của mình, T giới thiệu sinh năm 1980 làm thượng tá công an công tác tại Cục hình sự Bộ công an để cho chị T1 và anh Q tin tưởng giao tiền cho mình để với mục đích chiếm đoạt toàn bộ số tiền đó để tiêu xài cá nhân. Trong thời gian tiếp xúc với chị T1 và anh Q, T thường sử dụng giày da màu đen, tất màu xanh đeo thắt lưng da, đội mũ bảo hiểm giống của ngành Công an. Sau khi cầm số tiền 26.000.000 đồng của chị T1 và số tiền 3.500.000

đồng của anh Q, T đã tiêu xài hết đồng thời cũng không làm những việc như ban đầu đã hứa với chị T1 và anh Q.

Về dân sự: Trong quá trình điều tra, chị Nguyễn Thị T1 yêu cầu Nguyễn Văn T phải bồi thường số tiền 26.000.000 đồng mà T đã chiếm đoạt chưa hoàn trả. Ông Nguyễn Ngọc Q yêu cầu T phải bồi thường số tiền 3.500.000 đồng mà T đã chiếm đoạt.

Tại bản cáo trạng số 267/CT- VKS ngày 07/09/2018 Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự

Tại phiên tòa:

- Bị cáo Nguyễn Văn T thành khẩn khai nhận tội như đã khai tại cơ quan điều tra, thừa nhận bản cáo trạng truy tố bị cáo là đúng và không kêu oan, chỉ mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

- Bị hại là chị Nguyễn Thị T1 có đơn xin xét xử vắng mặt và có ý kiến đề nghị Toà án buộc bị cáo T phải trả lại cho chị số tiền 26.000.000 đồng bị cáo đã chiếm đoạt. Chị T1 đề nghị Toà án xử lý bị cáo theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, xét xử vắng mặt chị T1.

- Bị hại là anh Nguyễn Ngọc Q đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo T phải trả cho anh số tiền 3.500.000 đồng bị cáo đã chiếm đoạt và đề nghị xử lý bị cáo theo quy định của pháp luật.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên duy trì công tố tại phiên tòa, sau khi phân tích đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ. Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên đề nghị như sau:

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Xử phạt Nguyễn Văn T mức án từ 20 tháng đến 22 tháng tù.

* Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt tiền cho bị cáo

* Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải trả cho chị Nguyễn Thị T1 số tiền 26.000.000 đồng và trả cho anh Q số tiền 3.500.000 đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo trả số tiền 2.800.000 đồng vay của chị T1 và số tiền 2.000.000 đồng vay của anh Q.

* Xử lý tang vật: Tịch thu tiêu huỷ 01 mũ bảo hiểm có nhãn mác Công ty 19- 05 Bộ Công an, 01 thắt lưng da có dây thắt lưng màu nâu, 02 chiếc tất màu xanh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

- Về hành vi tố tụng của Cơ quan CSĐT- Công an quận Long Biên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo, bị hại đã xuất trình tài liệu, chứng cứ phù hợp với các quy định của pháp luật. Bị cáo, bị hại không ai có ý kiến gì hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Xét lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Văn T tại phiên toà cơ bản phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, Đơn trình báo, lời khai của các bị hại, vật chứng thu giữ cùng với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án cũng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 6/2017 đến tháng 01/2018, bằng thủ đoạn gian dối giả danh đang công tác trong ngành Công an và có quen biết người dạy làm bánh bao để tạo lòng tin đối với chị Nguyễn Thị T1 và anh Nguyễn Ngọc Q, bị cáo Nguyễn Văn T đã chiếm đoạt của của chị T1 số tiền 26.000.000 đồng và của anh Q số tiền 3.500.000 đồng. Tổng số tiền bị cáo đã chiếm đoạt của chị T1 và anh Q là 29.500.000 đồng.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn T đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự. Do đó Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên đưa ra các chứng cứ buộc tội và truy tố bị cáo Nguyễn Văn T với tội danh “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, làm mất

uy tín của ngành Công an, làm giảm lòng tin của quần chúng nhân dân đối với cơ quan bảo vệ pháp luật. Trong một thời gian ngắn bị cáo đã thực hiện 02 hành vi gian dối để chiếm đoạt tài sản của chị T1 và anh Q nên bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng phạm tội 02 lần trở lên được quy định điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Do đó cần phải áp dụng hình phạt tù nghiêm khắc cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe, giáo dục, cải tạo bị cáo và đấu tranh phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, khi lượng hình Hội đồng xét xử xét thấy tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên toà, bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự do đó giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

* Hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 174 quy định: “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng.....”, do đó bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt tiền. Tuy nhiên theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên toà cho thấy bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập. Vì vậy Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

* Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải trả cho chị Nguyễn Thị T1 số tiền 26.000.000 đồng và trả cho anh Q số tiền 3.500.000 đồng.

Về số tiền 2.800.000 đồng bị cáo vay của chị T1 và số tiền 2.000.000 đồng bị cáo vay của anh Q, đây là thoả thuận dân sự do đó không xem xét. Giành quyền khởi kiện vụ án dân sự cho chị T1 và anh Q đến khi nào có yêu cầu.

* Xử lý tang vật: Tịch thu tiêu huỷ 01 mũ bảo hiểm có nhãn mác Công ty 19- 05 Bộ Công an, 01 thắt lưng da có dây thắt lưng màu nâu, 02 chiếc tất màu xanh.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng mức hình phạt tù có thời hạn, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo, về trách nhiệm dân sự và đề nghị xử lý vật chứng là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

* Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm. Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 174; điểm i, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38, Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự.

Áp dụng Điều 106, Điều 135, Điều 331, Điều 332 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

“Xử phạt Nguyễn Văn T **26 (Hai mươi sáu)** tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

*** Về hình phạt bổ sung:** Miễn hình phạt tiền cho bị cáo Nguyễn Văn T.

*** Về trách nhiệm dân sự:** Buộc bị cáo phải trả cho chị Nguyễn Thị T1 số tiền 26.000.000 đồng (Hai mươi sáu triệu đồng) và trả cho anh Q số tiền 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Giành quyền khởi kiện vụ án dân sự cho chị Nguyễn Thị T1 đối với số tiền 2.800.000 đồng và anh Nguyễn Ngọc Q đối với số tiền 2.000.000 đồng đến khi nào có yêu cầu.

*** Về xử lý tang vật:**

Tịch thu tiêu huỷ 01 mũ bảo hiểm có nhãn mác Công ty 19- 05 Bộ Công an, 01 thắt lưng da có dây thắt lưng màu nâu, 02 chiếc tất màu xanh theo Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan CSĐT- Công an quận Long Biên và Chi cục Thi hành án quận Long Biên ngày 10/09/2018.

*** Về án phí:** Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.475.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo, bị hại là anh Nguyễn Ngọc Q có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại là chị Nguyễn Thị T1 vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND TP HN;
- VKS, CA, Chi cục THADS quận Long Biên
- Thi hành án hình sự;
- Bị cáo; bị hại
- Lưu hồ sơ vụ án; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm Phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Tự Hiếu